

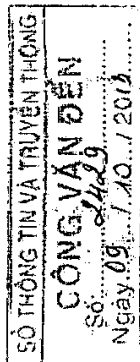
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 37 /2013/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 09 tháng 10 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy (sau đây gọi chung là xe mô tô) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Quyết định này không áp dụng đối với xe máy chuyên dùng theo quy định tại Khoản 20, Điều 3 của Luật giao thông đường bộ và xe máy điện.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Phương thức thu, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) là cơ quan thu phí đối với xe mô tô của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (chủ phương tiện) trên địa bàn.

2. UBND cấp xã chỉ đạo khóm, ấp hoặc tổ dân phố hướng dẫn kê khai phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô của chủ phương tiện trên địa bàn theo Mẫu số 02/TKNP tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện và tổ chức thu phí.

3. Mức thu phí

Mức thu phí đối với xe mô tô được căn cứ vào dung tích xy lanh được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, có các mức thu như sau:

Số TT	Loại xe mô tô	Mức thu phí
1	Loại có dung tích xy lanh từ 100 cm ³ trở xuống	50.000 đồng/năm
2	Loại có dung tích xy lanh trên 100 cm ³	105.000 đồng/năm

4. Chủ phương tiện thực hiện khai và nộp phí theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 6 của Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính.

5. Chứng từ thu phí

a) Cơ quan thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo quy định. Biên lai thu phí theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính.

b) Việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại biên lai thu phí sử dụng đường bộ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách Nhà nước.

6. Quản lý và sử dụng phí

Đối với các phường, thị trấn được để lại 10% số phí sử dụng đường bộ thu được, đối với các xã được để lại 20% số phí sử dụng đường bộ thu được để trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định. Số tiền còn lại cơ quan thu phí phải nộp vào tài khoản của Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Sóc Trăng mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Sóc Trăng.

7. Các nội dung khác liên quan đến công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức thu, nộp, kê khai, quyết toán phí theo quy định tại Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính và sử dụng theo quy định của Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời việc thực hiện thu phí sử dụng đường bộ đến tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để biết và thực hiện nghiêm túc.

3. Sở Giao thông vận tải, Hội đồng quản lý Quỹ bảo trì đường bộ, Sở Tài chính, tỉnh Sóc Trăng phối hợp thực hiện hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thu, nộp, quản lý, sử dụng quỹ bảo trì đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể cách thu, nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ.

6. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp, đề nghị các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải tổng hợp, đề xuất trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, sửa đổi cho phù hợp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Bộ GTVT;
- TT, TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Đoàn thể tỉnh và cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Công báo;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: TH, KT, VX, XD, NC, NV, HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thành Nghiệp